

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	13 - 28
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	29

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đăng ký kinh doanh lần đầu số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 10 tháng 11 năm 2003. Ngày 22 tháng 04 năm 2010, Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư KTT theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600324084, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 29.550.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTT.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (24) 38 861 1968
- Mã số thuế : 0 6 0 0 3 2 4 0 8 4

3. Ngành nghề kinh doanh

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đầu giá;
- Sửa chữa thiết bị thiên lạc; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời như: Sân vận động bóng đá, khúc côn cầu, bóng chày, bể bơi và sân vận động;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đầu giá;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng nhà để ở; nhà không để ở; công trình cấp, thoát nước; công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình công ích khác; công trình thủy; công trình khai khoáng; công trình chế biến, chế tạo; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giầy da;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi; Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản; bán buôn hóa chất công nghiệp; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản, phân bón nông nghiệp (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán các thiết bị máy văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in; bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng công trình đường sắt; đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa;
- Phá dỡ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Công thông tin; Quảng cáo; Xuất bán phần mềm;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và đảm bảo duy trì đủ điều kiện đầu tư, kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Đối với ngành nghề kinh doanh có ghi mục chi tiết, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chi tiết đã ghi.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch	14/09/2020	-
Trần Huy Phúc	Chủ tịch	16/05/2020	14/09/2020
Lê Khánh Trinh	Chủ tịch	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Đức Hiếu	Phó Chủ tịch	16/05/2020	-
Đặng Thùy Dương	Thành viên	16/05/2020	-
Nguyễn Thị Nhân	Thành viên	16/05/2020	-
Lương Thị Việt Hà	Thành viên	16/05/2020	20/08/2020
Bùi Cảnh Hoàng	Phó Chủ tịch	26/04/2019	16/05/2020
Vũ Hoài Vũ	Phó Chủ tịch	26/04/2019	16/05/2020
Phạm Mai Anh	Thành viên	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Sỹ Hoàng	Thành viên độc lập	26/04/2019	16/05/2020

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Thùy Dung	Trưởng ban	16/05/2020	-
Trần Thị Hoa	Thành viên	16/05/2020	-
Phan Thị Hương	Thành viên	16/05/2020	-
Nguyễn Thành Trung	Trưởng Ban	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Thế Lộc	Thành viên	26/04/2019	16/05/2020
Nguyễn Phi Hùng	Thành viên	26/04/2019	16/05/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	14/09/2020	-
Nguyễn Đức Hiếu	Tổng Giám đốc	06/05/2020	14/09/2020
Hoàng Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	11/03/2020	06/05/2020
Vũ Hoài Vũ	Tổng Giám đốc	11/12/2019	11/03/2020
Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021	-
Hoàng Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	29/05/2019	31/07/2020
Vũ Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc	26/04/2019	31/07/2020
Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	06/05/2020	-
Nguyễn Thị Thêm	Kế toán trưởng	11/12/2019	06/05/2020

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	14/09/2020	-
	Tổng Giám đốc	06/05/2020	14/09/2020
Hoàng Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	11/03/2020	06/05/2020
Vũ Hoài Vũ	Tổng Giám đốc	11/12/2019	11/03/2020

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 29.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021.



Số: 2119/21/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư KTT, sau đây gọi tắt là “Công ty”, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 09 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư KTT tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhân mạnh

Tại Thuyết minh V.4, Phải thu về cho vay ngắn hạn với số tiền là 8.800.000.000 đồng, đây là khoản cho các cá nhân vay và không có tài sản đảm bảo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



A handwritten signature in blue ink, consisting of several fluid, connected strokes.

Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN số: 1512-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 2817-2020-071-1



Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		102.503.924.085	36.638.240.689
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.132.409.238	6.061.350.398
111	1. Tiền		2.132.409.238	6.061.350.398
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		95.761.591.065	28.357.500.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	75.312.049.881	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	6.649.538.000	1.660.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	8.800.000.000	11.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	5.000.003.184	15.697.000.000
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	4.556.518.359	2.218.500.000
141	1. Hàng tồn kho		4.556.518.359	2.218.500.000
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		53.405.423	890.291
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		53.405.423	135.000
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	755.291
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.224.543.600	118.131.886
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		29.900.781	59.137.545
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	29.900.781	59.137.545
222	- Nguyên giá		71.572.727	71.572.727
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.671.946)	(12.435.182)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.8	5.000.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.194.642.819	58.994.341
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	1.194.642.819	58.994.341
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		108.728.467.685	36.756.372.575

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		73.941.417.235	3.025.411.322
310	I. Nợ ngắn hạn		73.941.417.235	3.025.411.322
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	35.462.463.988	2.505.953.998
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	1.921.679.694	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	206.737.385	512.092.802
314	4. Phải trả người lao động		-	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	9.614.886.168	7.364.522
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	26.735.650.000	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		34.787.050.450	33.730.961.253
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	34.787.050.450	33.730.961.253
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.550.000.000	29.550.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.237.050.450	4.180.961.253
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.180.961.253	1.949.028.656
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.056.089.197	2.231.932.597
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		108.728.467.685	36.756.372.575

Người lập biểu



TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khuông Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		94.733.943.758	21.276.630.602
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	5.260.142
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	94.733.943.758	21.271.370.460
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	92.747.459.000	14.870.238.643
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.986.484.758	6.401.131.817
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	700.386.854	1.662.343.451
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	579.920.542	2.770.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		344.213.289	2.770.000
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	93.000.000	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	968.711.472	5.739.027.058
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.045.239.598	2.321.678.210
31	11. Thu nhập khác	VI.7	212.644.750	693.239.982
32	12. Chi phí khác	VI.8	5.621.343	102.339.101
40	13. Lợi nhuận khác		207.023.407	590.900.881
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.252.263.005	2.912.579.091
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	196.173.808	680.646.494
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.056.089.197	2.231.932.597
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	357	755
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	357	755

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.252.263.005	2.912.579.091
	2. Điều chỉnh cho các khoản		373.450.053	(2.078.546.822)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8	29.236.764	232.266.611
	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(2.313.583.433)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	344.213.289	2.770.000
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.625.713.058	834.032.269
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(69.656.606.198)	(15.276.849.327)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.338.018.359)	(60.112.273)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		44.489.266.099	2.152.220.303
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.135.648.478)	(58.994.341)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.4	(344.213.289)	(2.770.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(505.083.993)	(188.691.736)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(27.864.591.160)	(12.601.165.105)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(71.572.727)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	13.994.350.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(26.000.000.000)	(21.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		23.200.000.000	18.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	1.662.343.451
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.800.000.000)	12.585.120.724
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	39.503.462.500	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(12.767.812.500)	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26.735.650.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(3.928.941.160)	(16.044.381)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	6.061.350.398	6.077.394.779
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	2.132.409.238	6.061.350.398

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN THU GIANG

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư KTT (sau đây gọi là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Đầu Tư KTT (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty chủ yếu kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động trồng và khai thác cao su có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động kinh doanh. Trong quá trình này, Công ty tập trung đẩy mạnh kinh doanh thương mại hạt nhựa, bột nhựa nguyên sinh thay vì kinh doanh các thiết bị điện như các năm trước. Việc thay đổi hướng kinh doanh này làm do doanh thu của Công ty tăng đáng kể so với năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 11 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

167 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có năm hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06 – 10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá:

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã thống nhất với khách hàng..

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Theo quy định tại khoản 1, điều 2, Nghị định 114/2020/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác (gọi chung doanh nghiệp). Theo đó, giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp (DN) có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

16/ Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.135.223.470 ✓	1.056.830.506
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	997.185.768 ✓	5.004.519.892
Cộng	<u>2.132.409.238</u>	<u>6.061.350.398</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là nợ phải thu bán hạt nhựa nguyên sinh.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	<u>68.517.429.381</u>	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	45.108.724.381	
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	23.408.705.000	
Phải thu các khách hàng khác	<u>6.794.620.500</u>	-
Cộng	<u>75.312.049.881</u> ✓	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	-	-
Trả trước cho các khách hàng khác	<u>6.649.538.000</u>	<u>1.660.500.000</u>
- Công ty Cổ Phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	4.144.288.000	
- Công ty Cổ phần Nhựa Mỹ Thịnh	1.196.800.000	
- Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	801.900.000	
- Đối tượng khác	506.550.000	1.660.500.000
Cộng	<u>6.649.538.000</u>	<u>1.660.500.000</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn khách hàng các khách hàng khác	<u>8.800.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>
- Nguyễn Kim Cường ⁽¹⁾	2.500.000.000	
- Đào Mạnh Tuấn ⁽²⁾	2.000.000.000	
- Nguyễn Thế Anh ⁽³⁾	1.400.000.000	
- Phan Trọng Tùng ⁽⁴⁾	2.500.000.000	
- Phùng Thị Ngân ⁽⁵⁾	400.000.000	
- Các đối tượng khác	-	11.000.000.000
Cộng^(*)	<u>8.800.000.000</u>	<u>11.000.000.000</u>

(1) Hợp đồng cho vay số 3006-1/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.

(2) Hợp đồng cho vay số 3006-2/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (3) Hợp đồng cho vay số 3006-3/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (4) Hợp đồng cho vay số 3006-5/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (5) Hợp đồng cho vay số 3006-7/2020/HĐVV ngày 30/06/2020, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm.
- (*) Tất cả các hợp đồng cho vay đều không có tài sản đảm bảo.

5. Phải thu ngắn hạn khác

Chủ yếu là tạm ứng cho bộ phận kinh doanh để khảo sát thị trường và phát triển dự án.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác các bên liên quan	-	10.500.000.000
- Tạm ứng cho ông Vũ Hoài Vũ	-	10.500.000.000
Các khoản phải thu khác	5.000.003.184	5.197.000.000
- Tạm ứng (*)	5.000.000.000	5.197.000.000
- Khác	3.184	-
Cộng	<u>5.000.003.184</u>	<u>15.697.000.000</u>

(*) Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phạm Thanh Sơn	2.500.000.000	-
- Đỗ Mạnh Thắng	2.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	5.197.000.000
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.197.000.000</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Hàng hóa(*)	4.556.518.359	-	2.218.500.000	-
Cộng	<u>4.556.518.359</u>	<u>-</u>	<u>2.218.500.000</u>	<u>-</u>

(*) Hàng hóa là hạt nhựa và đang gửi tại kho của người bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

16/ Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	71.572.727	71.572.727
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	71.572.727	71.572.727
<i>Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	12.435.182	12.435.182
Khấu hao trong năm	29.236.764	29.236.764
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	41.671.946	41.671.946
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	59.137.545	59.137.545
Số cuối năm	29.900.781	29.900.781

8. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản mua 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn 07 năm, lãi suất thả nổi. *(Dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng – Xem Thuyết minh mục V.14).*

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa văn phòng	1.194.642.819	-
- Chi phí khác	-	58.994.341
Cộng	1.194.642.819	58.994.341
<i>Tình hình biến động trong năm:</i>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số dư đầu năm	58.994.341	-
- Tăng trong năm	1.290.214.287	987.988.681
- Phân bổ trong năm	(154.565.809)	(928.994.340)
Số dư cuối năm	1.194.642.819	58.994.341

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán đối tượng khác</i>	35.462.463.988	2.505.953.998
- Tổng Công ty Hóa Chất và Dịch Vụ Dầu Khí - CTCP - CNDV Hóa Chất Dầu Khí	22.786.253.600	-
- Công ty TNHH Đầu tư SX TM DV Kiên Long	9.800.673.300	-
- Các nhà cung cấp khác	2.875.537.088	2.505.953.998
Cộng	35.462.463.988	2.505.953.998

Số dư nợ quá hạn tại ngày 31/12/2020: 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản trả trước tiền mua bột nhựa của Công ty TNHH VPP Chemical.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	755.291	2.595.251	(1.839.960)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	512.092.802	-	196.173.808	(505.083.993)	203.182.617	-
- Phí, lệ phí, phạt chậm nộp thuế	-	-	5.621.343	(5.621.343)	-	-
- Các khoản thuế khác	-	-	7.709.018	(4.154.250)	3.554.768	-
Cộng	512.092.802	755.291	212.099.420	(516.699.546)	206.737.385	-

8a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

8b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.252.263.005	2.912.579.091
Các khoản điều chỉnh tăng:	148.978.482	51.397.237
+ Chi phí không được trừ	148.978.482	51.397.237
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.401.241.487	2.963.976.328
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	280.248.297	592.795.266
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	87.851.228
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm được giảm 30% ^(*)	84.074.492	-
Tổng số thuế TNDN phải nộp	196.173.808	680.646.494

^(*) Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong năm do thỏa điều kiện có tổng doanh thu nhỏ hơn 200 tỷ (theo quy định tại khoản 1, điều 2, Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác đối tượng khác</i>	9.614.886.168	7.364.522
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Hà (*)	9.614.886.168	-
- Các đối tượng khác	-	7.364.522
	9.614.886.168	7.364.522

(*) Là khoản phải trả Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà về khoản thanh toán bằng L/C upass cho các nhà cung cấp sau:

Nhà cung cấp	Số Hợp đồng	Ngày Hợp đồng	Số tiền
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển TM Quốc Đạt	150920/QĐ-TT	15/09/2020	3.130.875.000
- Công ty CP An Thành Bicsol	00814/HDMB/2020/ATT-THIENTRUONG	02/10/2020	1.299.375.000
- Công ty CP An Thành Bicsol	00822/HDMB/2020/ATT-THIENTRUONG	06/10/2020	1.169.437.500
- Công ty CP An Thành Bicsol	0087/HDMB/2020/ATT-THIENTRUONG	26/10/2020	2.455.198.668
- Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Quốc tế EMC	2309/EMC/TT/2020	23/09/2020	1.560.000.000
Cộng			9.614.886.168

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	26.735.650.000	26.735.650.000	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tây Đô ⁽¹⁾	21.167.000.000	21.167.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam ⁽²⁾	5.568.650.000	5.568.650.000	-	-
Cộng	26.735.650.000	26.735.650.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(1) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202000765 ngày 29/10/2020:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh 2020 – 2021;
- Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm.
- Tài sản đảm bảo:
 - + 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tổng giá trị là 5.000.000.000 đồng;
 - + Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: BT-01 Trung tâm Thương mại và nhà ở Xây lắp điện 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội của Công ty TNHH Premier Central.

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/1446074/HĐTĐ ngày 24/09/2020:

- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- Lãi suất cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Tài sản đảm bảo: Là tài sản của bà Nguyễn Thị Nhung với tổng giá trị 8.790.000.000 đồng, bao gồm:
 - + Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 122, diện tích 60m² tại địa chỉ B10, tập thể Viện Công Nghệ Laser, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
 - + Nhà ở riêng, diện tích 284,00m².

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	-	39.503.462.500	12.767.812.500	26.735.650.000
Cộng	-	39.503.462.500	12.767.812.500	26.735.650.000

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

15b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	29.550.000.000	29.550.000.000	-
Cộng	29.550.000.000	29.550.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.550.000.000	29.550.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, khác	94.733.943.758	17.590.596.867
- Doanh thu xây dựng	-	3.680.773.593
Cộng	94.733.943.758	21.271.370.460

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm, khác	92.747.459.000	13.023.241.450
- Giá vốn xây dựng	-	1.846.997.193
Cộng	92.747.459.000	14.870.238.643

3. Doanh thu tài chính

Chủ yếu là lãi cho vay.

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	344.213.289	2.770.000
- Chi phí phát hành thư bảo lãnh	235.707.253	-
Cộng	579.920.542	2.770.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

16/ Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Chi phí bán hàng		
Là chi phí lương phải trả nhân viên bán hàng.		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	483.680.328	1.810.764.154
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.236.764	179.376.880
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.758.955	3.605.108.584
- Các chi phí khác	49.035.425	143.777.440
Cộng	968.711.472	5.739.027.058
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	210.000.000	-
- Lãi từ thanh lý TSCĐ	-	651.239.982
- Khác	2.644.750	42.000.000
Cộng	212.644.750	693.239.982
8. Chi phí khác		
Chủ yếu là tiền truy thu và phạt chậm nộp thuế.		
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.089.197	2.231.932.597
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.056.089.197	2.231.932.597
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	357	755
10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.089.197	2.231.932.597
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.056.089.197	2.231.932.597
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	357	755

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

16/ Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	576.680.328	1.810.764.154
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.236.764	179.376.880
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	406.758.955	3.605.108.584
- Các chi phí khác	49.035.425	143.777.440
Cộng	<u>1.061.711.472</u>	<u>5.739.027.058</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tài sản đảm bảo**

Tại ngày lập Báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Hoàng Ngọc Lâm	Nguyên Tổng Giám đốc
3.	Ông Vũ Hoài Vũ	Nguyên Tổng Giám đốc
4.	Bà Phan Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng
5.	Bà Nguyễn Thị Thêm	Nguyên Kế toán trưởng
6.	Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng Ban kiểm soát
7.	Ông Nguyễn Thành Trung	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát
8.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
9.	Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)^(*)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lương và thu nhập khác	170.198.077	314.090.616
Cộng	<u>170.198.077</u>	<u>314.090.616</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	5.000.000.000	10.500.000.000
- Tạm ứng cho Bà Lương Thị Việt Hà	2.500.000.000	-
- Tạm ứng cho Bà Nguyễn Thị Nhân	2.500.000.000	-
- Tạm ứng cho Ông Vũ Hoài Vũ		10.500.000.000
Thu hồi tạm ứng	15.500.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng của Bà Lương Thị Việt Hà	2.500.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng của Bà Nguyễn Thị Nhân	2.500.000.000	-
- Thu hồi tạm ứng của Ông Vũ Hoài Vũ	10.500.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	58.169.788.983	-
- Thu tiền bán hàng hóa	18.437.693.500	-

Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	21.280.640.909	-
- Thu tiền bán hàng hóa		-

*Số dư với các bên liên quan xem tại mục V.2 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.***4. Báo cáo bộ phận**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu xây dựng	Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	94.733.943.753	94.733.943.753
Giá vốn hàng bán	-	92.747.458.996	92.747.458.996
Lợi nhuận gộp	-	1.986.484.757	1.986.484.757
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.680.773.593	17.590.596.867	21.271.370.460
Giá vốn hàng bán	1.846.997.193	13.023.241.450	14.870.238.643
Lợi nhuận gộp	1.833.776.400	4.567.355.417	6.401.131.817

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- **Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty đã thế chấp 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (thuyết minh số V.8).

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	I	2	3=2+1
1. Số dư đầu năm trước	29.550.000.000	1.949.028.656	31.499.028.656
2. Tăng trong năm trước - Lãi trong năm	-	2.231.932.597	2.231.932.597
3. Giảm trong năm trước	-	2.231.932.597	2.231.932.597
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	29.550.000.000	4.180.961.253	33.730.961.253
5. Tăng trong năm nay - Lãi trong năm	-	1.056.089.197	1.056.089.197
6. Giảm trong năm nay	-	1.056.089.197	1.056.089.197
7. Số dư cuối năm nay	29.550.000.000	5.237.050.450	34.787.050.450

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

